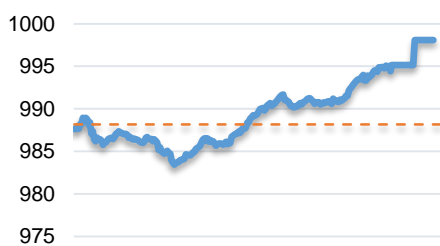


Diễn biến thị trường trong phiên

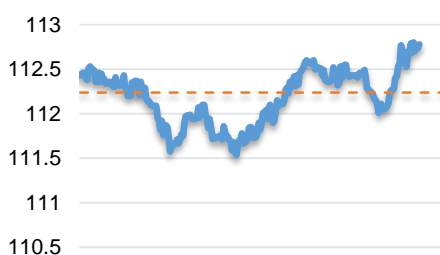
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	998.07	113.59	51.78
% ngày	1.00	0.71	0.88
% tuần	1.08	2.78	0.70
% tháng	5.09	6.40	2.96
% năm	28.18	9.92	(4.74)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,250.78	573.71	198.10
Hôm qua	3,867.42	650.51	151.85
TB 1 tháng	3,578.56	589.94	226.65
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	921.89	30.23	29.01
Bán	937.57	8.75	20.67
Giá trị ròng	(15.68)	21.48	8.34
Độ rộng TT			
Mã Tăng	158	83	82
Mã Giảm	114	83	57
Không Đổi	81	218	595
Chỉ số chính			
P/E	18x	10.6x	9.9x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,156	201	846
LS Cổ tức	1.95	2.41	3.99

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sắc đỏ trong phiên giao dịch bao phủ toàn bộ các thị trường Châu Á, riêng thị trường Việt Nam có cú lội ngược vòng trong phiên chiều nên đi ngược xu hướng chung. Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong ngày tăng thêm 1% chốt ở mức 998.1 điểm, chỉ số HNX-Index tăng thêm 0.7% dừng lại ở mức 113.6 điểm và chỉ số Upcom-Index đóng cửa ở mức 51.8 điểm và tăng nhẹ 0.88%.

MSN là cổ phiếu nổi bật nhất trong phiên khi tăng giá mạnh nhất và đóng cửa ở sát mức giá trần tăng 6.6%. Tuy nhiên, thị trường vẫn được hỗ trợ bởi nhóm dầu khí khi GAS (+4.4%) và PVS (+5.8%) là 2 cổ phiếu dẫn đầu. Nhóm cổ phiếu ngân hàng như BID, CTG, VCB, ACB, TCB... cũng đồng loạt tăng giá. Cổ phiếu nhóm chứng khoán HCM, VND..., bán lẻ MWG, PNJ, VRE..., xây dựng CTD, HBC... hay thủy sản VHC, IDI... đều tăng điểm trong ngày hôm nay.

Ở chiều ngược lại, VNM, VHM là hai mã tạo ảnh hưởng tiêu cực lớn nhất khiến cho VN-Index vẫn nằm dưới ngưỡng tâm lý 1,000 điểm trong phiên chiều nay. Ngoài ra, nhóm VN30 còn chứng kiến sự giảm giá của ROS, FPT, KDC, DPM và SBT.

Các nhà đầu tư ngoại mua ròng trên hai sàn HNX và UPCOM với tổng giá trị gần 30 tỷ đồng bên cạnh đó khối ngoại bán ròng khoảng 15 tỷ đồng trên sàn HSX. Tuy nhiên trong phiên giao dịch hôm nay khối ngoại lại có lượng mua bán tích cực hơn so với các phiên trước. Các cổ phiếu được khối ngoại mua ròng trong phiên là KDH, CCQ E1VFN30, VCB, CTD, HDB...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ duy trì đà tăng và chỉ số VN-Index sẽ sớm vượt hoàn toàn đường trung bình 100 ngày. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp mặc dù thị trường đã có nhiều phiên tăng điểm liên tiếp, nhưng thị trường có thể sẽ đối mặt với các nhịp điều chỉnh kỹ thuật khi nhiều cổ phiếu đang rơi vào trạng thái quá mua ngắn hạn. Ngoài ra, dòng tiền ngắn hạn vẫn đang duy trì đà tăng và tâm lý nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục lạc quan hơn với diễn biến hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và giữ mức chốt lỗ của hệ thống ở mức 971.84 điểm của chỉ số VN-Index và 108.79 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu theo mức khuyến nghị và cũng hạn chế mua đuổi vì nhịp điều chỉnh có thể xuất hiện trong từng phiên, đặc biệt là khi các chỉ số đang giao dịch quanh đường trung bình 100 ngày.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 63% cổ phiếu/37% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.10	TĂNG	GIẢM	17.15	16.31	5.54%			19.63		
ACB	39.70	TĂNG	GIẢM	35.60	37.06	11.52%			41.80		
ACV	83.20	GIẢM	GIẢM		87.77				95.72		
BFC	28.80	TĂNG	GIẢM	27.00	26.03	6.67%			28.97		
BHN	84.90	GIẢM	GIẢM		86.79				107.32		
BID	34.90	TĂNG	TĂNG	25.80	31.42	35.27%		33.40	31.14	4.49%	MUA
BMP	54.20	GIẢM	GIẢM		55.43				62.64		
BSR	17.10	GIẢM	GIẢM		18.13				19.99		
BVH	91.60	TĂNG	TĂNG	78.00	85.45	17.44%			91.06		
BWE	18.40	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	3.95%			19.20		
CEO	13.70	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	2.24%			15.95		
CHP	23.00	GIẢM	TĂNG		23.45			23.50	22.03	-2.13%	
CSM	14.35	TĂNG	TĂNG	14.25	13.65	0.70%		14.39	12.77	-0.28%	
CTD	168.50	TĂNG	TĂNG	149.50	156.37	12.71%		161.20	128.54	4.53%	
CTG	27.60	TĂNG	GIẢM	24.00	25.47	15.00%			28.07		
CTI	31.30	TĂNG	GIẢM	30.50	29.10	2.62%			33.12		
CVT	26.80	TĂNG	GIẢM	25.85	25.24	3.68%			29.58		
DCM	10.15	TĂNG	GIẢM	11.05	10.00	-8.14%			10.69		
DGW	26.00	TĂNG	GIẢM	23.90	24.73	8.79%			26.51		
DHA	26.50	GIẢM	GIẢM		27.50				28.49		
DHC	38.00	GIẢM	GIẢM		40.34				43.99		
DHG	92.30	GIẢM	GIẢM		96.52			114.49	95.93	-16.21%	
DPG	51.40	TĂNG	TĂNG	40.90	46.62	25.67%			50.13		
DPM	17.10	GIẢM	GIẢM		17.92				18.72		
DPR	36.95	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-1.47%			39.04		
DQC	30.20	TĂNG	GIẢM	29.55	28.21	2.20%			31.92		
DRC	26.70	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	3.29%		24.30	19.87	9.88%	
DXG	29.00	TĂNG	GIẢM	23.75	26.60	22.11%			29.38		
ELC	8.90	GIẢM	GIẢM		9.18				10.91		
FCN	16.80	TĂNG	TĂNG	16.25	15.96	3.38%		17.70	13.88	-5.08%	
FIT	4.08	GIẢM	GIẢM		4.27				5.18		
FMC	24.20	TĂNG	TĂNG	21.20	22.29	14.15%			23.95		
FPT	44.15	TĂNG	GIẢM	42.90	42.92	2.91%			45.46		
GAS	105.00	TĂNG	TĂNG	101.50	94.96	3.45%			103.15		
GEX	29.00	TĂNG	TĂNG	30.60	28.65	-5.23%		30.10	24.67	-3.65%	
GIL	49.25	TĂNG	TĂNG	41.65	47.18	18.25%		34.90	41.22	41.12%	
GMD	26.55	TĂNG	GIẢM	25.40	25.54	4.53%			28.65		
GTN	11.20	GIẢM	TĂNG		11.71			11.20	9.83	0.00%	



We Create Fortune

HAG	6.89	GIẢM	TĂNG		7.53			6.19	5.86	11.31%	
HAX	15.90	GIẢM	GIẢM		16.04				18.67		
HBC	23.15	TĂNG	GIẢM	22.95	21.67	0.87%			27.24		
HDB	38.20	TĂNG	GIẢM	38.20	37.30	0.00%	MUA		42.35		
HNG	17.15	TĂNG	TĂNG	16.70	14.98	2.69%		8.20	14.10	109.15%	
HPG	39.65	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	6.59%			42.50		
HSG	10.95	GIẢM	GIẢM		11.17				13.38		
HT1	12.80	TĂNG	GIẢM	11.75	12.36	8.94%			12.91		
HUT	5.40	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	39.70	TĂNG	TĂNG	33.00	37.12	20.30%		39.20	30.48	1.28%	
ITD	11.80	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-4.84%	
KBC	12.25	TĂNG	GIẢM	12.10	11.96	1.24%			13.24		
KDH	30.85	TĂNG	GIẢM	30.30	29.66	1.82%			33.03		
KSB	29.55	GIẢM	GIẢM		30.13				33.01		
LCG	9.10	TĂNG	GIẢM	9.46	8.86	-3.81%			10.06		
LDG	15.20	TĂNG	TĂNG	15.00	13.56	1.33%			15.06		
LIX	40.50	GIẢM	GIẢM		41.35				44.18		
LPB	9.40	GIẢM	GIẢM		9.85				11.99		
LSS	6.62	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75		
MSN	97.00	TĂNG	TĂNG	79.10	88.03	22.63%		90.60	90.22	7.06%	MUA
MWG	123.00	TĂNG	TĂNG	112.00	117.93	9.82%		121.00	104.78	1.65%	
NKG	13.35	GIẢM	GIẢM		14.01				17.00		
NLG	31.90	TĂNG	TĂNG	29.80	30.15	7.05%			31.83		
NT2	26.45	GIẢM	GIẢM		27.01				28.69		
NTL	9.80	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.31%		10.45	8.94	-6.22%	
NTP	48.40	TĂNG	GIẢM	46.40	45.37	4.31%			51.18		
PAC	39.90	TĂNG	GIẢM	40.20	38.51	-0.75%			42.18		
PC1	24.85	GIẢM	GIẢM		26.63				29.68		
PDR	25.60	TĂNG	GIẢM	26.60	25.05	-3.76%			29.12		
PGC	14.10	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.74%			15.68		
PHR	25.45	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	16.21%		24.00	20.43	6.04%	
PLX	68.80	TĂNG	TĂNG	60.50	64.83	13.72%		68.00	67.88	1.18%	MUA
PNJ	106.00	TĂNG	TĂNG	90.30	98.17	17.39%		103.90	102.31	2.02%	MUA
POW	14.10	TĂNG	TĂNG	13.00	12.91	8.46%			13.91		
PPC	18.25	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-1.35%			19.21		
PTB	60.50	TĂNG	TĂNG	60.00	57.49	0.83%		64.00	53.16	-5.47%	
PVD	15.75	TĂNG	TĂNG	15.75	15.67	0.00%	MUA	16.35	11.75	-3.67%	
PVI	29.40	TĂNG	GIẢM	29.90	28.38	-1.67%			33.71		
PVS	21.80	TĂNG	TĂNG	17.00	19.08	28.24%		20.90	14.67	4.31%	
PXS	5.90	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-4.68%	
RAL	91.50	TĂNG	GIẢM	91.00	86.24	0.55%			102.96		
REE	36.50	TĂNG	TĂNG	36.40	34.76	0.27%		36.40	34.97	0.27%	MUA
SAB	226.00	TĂNG	GIẢM	208.00	213.64	8.65%			233.02		



We Create Fortune

SAM	7.07	TĂNG	GIẢM	7.16	6.77	-1.26%		7.59		
SBV	24.60	GIẢM	GIẢM		27.21			29.26		
SCR	9.50	TĂNG	GIẢM	9.35	9.05	1.60%		10.30		
SHI	6.15	GIẢM	TĂNG		6.31		6.99	5.88	-12.02%	
SJS	18.20	GIẢM	GIẢM		20.90			21.87		
SKG	22.90	TĂNG	TĂNG	20.05	21.94	14.21%	23.10	21.27	-0.87%	MUA
SSI	32.25	TĂNG	GIẢM	29.55	29.74	9.14%		34.19		
STB	11.50	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	2.68%		12.71		
SVC	45.45	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74		
TCB	26.30	TĂNG	TĂNG	28.50	25.99	-7.72%	18.40	4.60	42.93%	
TCM	21.50	TĂNG	TĂNG	17.80	20.69	20.79%	21.60	20.79	-0.46%	MUA
TDH	11.40	TĂNG	GIẢM	11.70	11.14	-2.56%		13.15		
TLH	7.31	TĂNG	GIẢM	7.49	7.28	-2.40%		8.32		
TMT	7.09	GIẢM	GIẢM		7.45			7.28		
TNG	11.60	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	7.41%		11.90		
TYA	10.50	GIẢM	GIẢM		11.01			12.27		
VCB	63.80	TĂNG	GIẢM	57.50	60.49	10.96%		64.41		
VFG	36.90	GIẢM	TĂNG		38.63		34.39	33.47	7.29%	
VGC	18.90	TĂNG	GIẢM	17.90	17.05	5.59%		21.50		
VHM	107.40	GIẢM	N/A	111.90	107.63	-3.82%	BÁN			
VIB	27.70	TĂNG	GIẢM	27.60	27.37	0.36%		30.67		
VIC	103.40	GIẢM	TĂNG		107.45		111.50	92.44	-7.26%	
VIP	6.80	GIẢM	GIẢM		7.15			7.29		
VJC	156.90	TĂNG	TĂNG	144.50	148.77	8.58%		154.12		
VNM	156.50	GIẢM	GIẢM		163.21			175.10		
VPB	25.50	GIẢM	GIẢM		26.79			33.19		
VRC	24.10	TĂNG	TĂNG	17.75	21.59	35.77%	19.35	17.99	24.55%	
VRE	39.95	GIẢM	GIẢM		41.47			44.98		
VSC	41.45	TĂNG	TĂNG	35.50	38.23	16.76%	35.30	34.14	17.42%	
VSH	17.20	GIẢM	TĂNG		17.61		17.40	16.64	-1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	998.07	1.00
VN30	975.43	1.08
VN Mid	1,031.66	0.74
VN Small	814.50	0.29

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	921.89	
Bán	937.57	
GT rỗng	(15.68)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MSN	6,000	6.6%
BFC	1,550	5.7%
VHC	4,000	5.5%
VRC	1,100	4.8%
AAA	750	4.3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NCT	(4,000)	-4.9%
SJS	(850)	-4.5%
ANV	(550)	-3.0%
TCH	(850)	-2.9%
D2D	(1,900)	-2.8%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	330,014	
VHM	287,790	
VCB	229,538	
VNM	227,113	
GAS	200,965	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	8.18	16.41
CTG	7.42	6.01
HAG	7.03	11.81
HPG	6.45	5.85
STB	5.94	4.76

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	113.59	0.71
HN30	205.75	0.99
VNX AllSh	1,399.99	0.88

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	30.23	
Bán	8.75	
GT rỗng	21.48	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVS	1,200	5.8%
VC3	700	3.7%
L14	1,300	2.9%
DGC	1,000	2.5%
CEO	300	2.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TV2	(2,400)	-2.0%
SHB	(100)	-1.1%
VCS	(600)	-0.7%
MBS	(100)	-0.6%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	43,054	
VCS	14,032	
SHB	10,347	
PVS	9,738	
VGC	8,474	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	8.64	10.00
SHB	4.58	8.35
ACB	4.21	10.45
VGC	1.86	2.48
PTI	1.80	0.00

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.78	0.88

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	29.01	
Bán	20.67	
GT rỗng	8.34	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DVN	1,300	8.4%
MSR	1,700	7.9%
GEG	550	4.6%
NTC	2,400	3.8%
GVR	300	3.8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	(100)	-1.0%
ACV	(300)	-0.4%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	181,137	
MCH	53,796	
BSR	53,019	
HVN	49,618	
GVR	33,200	

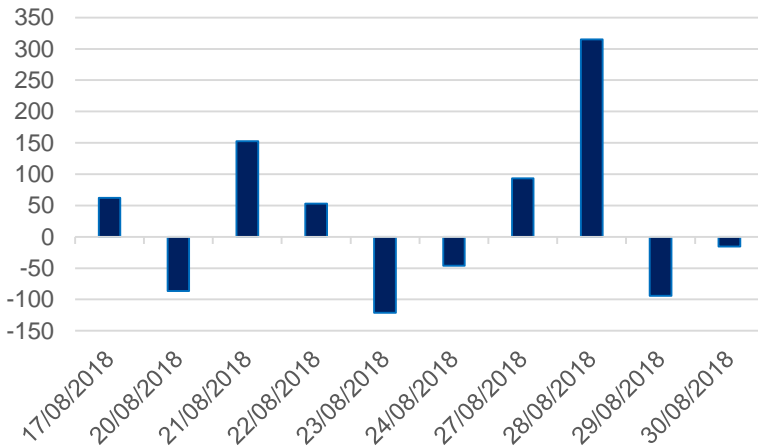
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SVH	7.98	0.27
POW	2.00	1.27
GVR	1.46	0.08
BSR	1.36	1.78
DVN	1.33	0.29

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

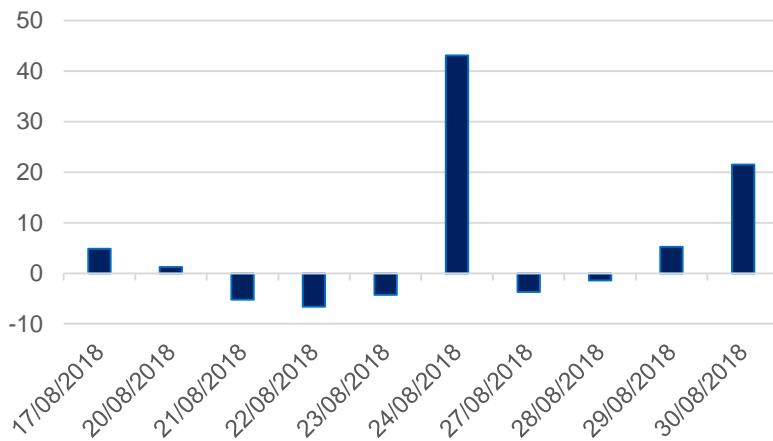
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
KDH	122,203	HPG	(109,114)
E1VFN30	38,028	VNM	(69,477)
VCB	29,895	VIC	(60,383)
CTD	26,880	DHG	(19,216)
HDB	26,186	VHM	(18,226)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

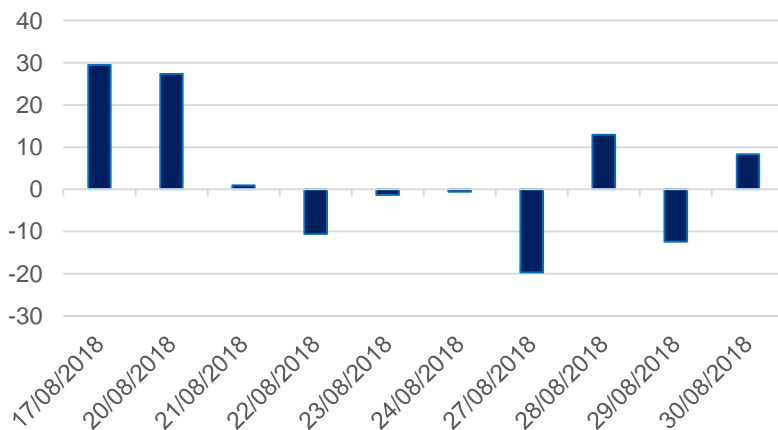
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VGC	14,962	TIG	(1,542)
PVS	5,723	PCG	(920)
DBC	3,918	VCS	(716)
TV2	1,114	CAP	(442)
SHS	463	SHB	(338)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	9,415	BSR	(5,777)
POW	8,917	VGT	(2,885)
LKW	188	OIL	(1,437)
MSR	183	ACV	(578)
SKH	117	LPB	(262)

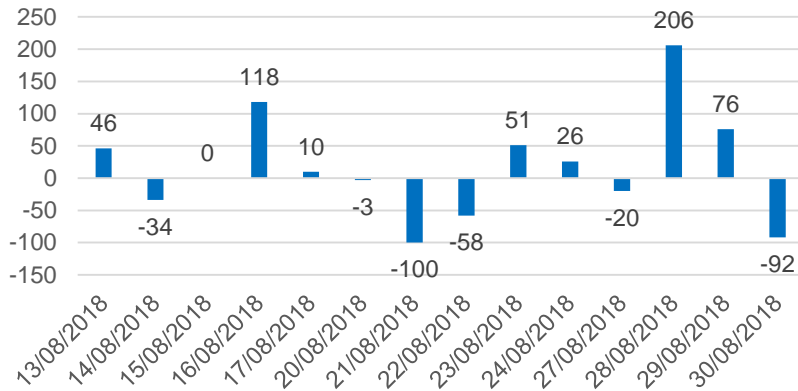
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

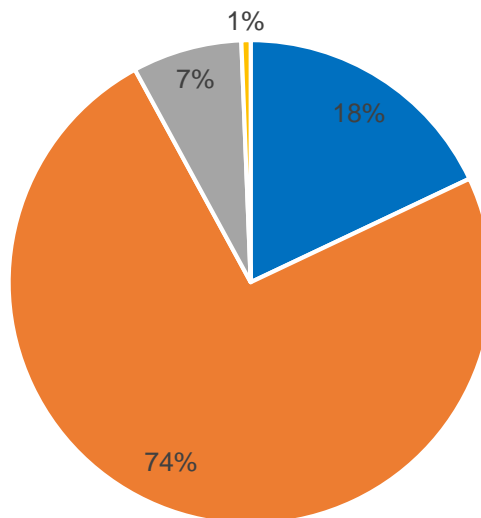


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
VIC	9,292	E1VFN30	40,201
MBB	6,457	PLX	14,026
VNM	4,287	VIC	10,738
VJC	4,033	CTG	8,587
MSN	2,808	HPG	8,511

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



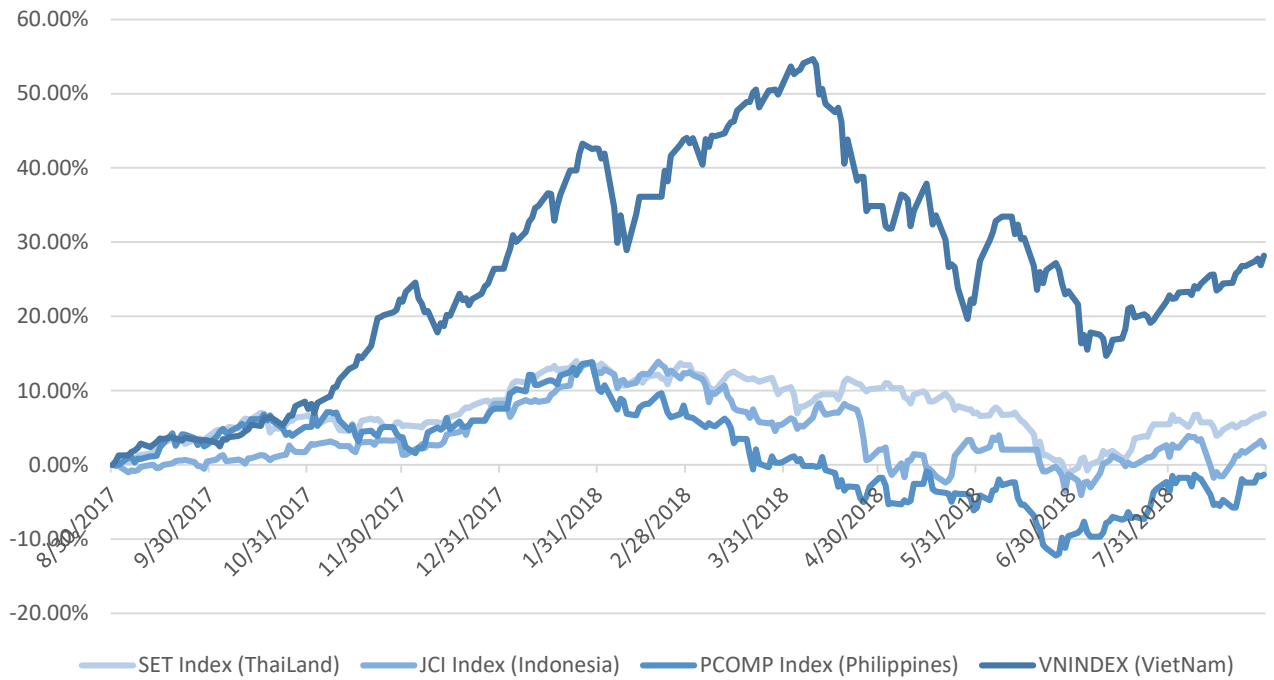
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

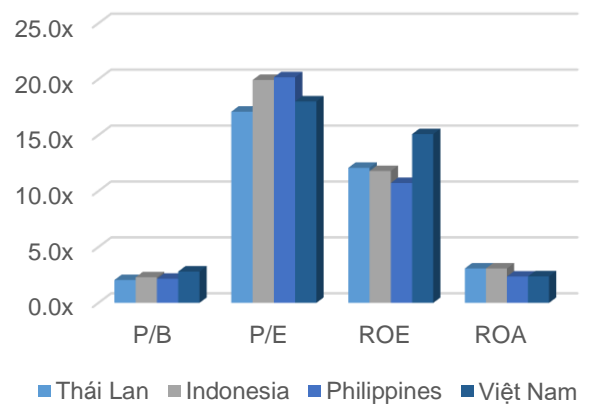
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.2x	2.8x
P/E		17.1x	19.9x	20.2x	18.0x
ROE	%	12.07	11.79	10.72	15.09
ROA	%	3.08	3.08	2.36	2.37
Vốn hóa	Tỷ USD	530.68	467.29	183.37	135.45
GTGD	Triệu USD	1.04	0.41	0.08	0.14
LS cổ tức	%	3.04	2.26	1.50	1.95

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written